

Số: /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam
và Quy chế xét tặng Giải thưởng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ về giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam là Giải thưởng duy nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tôn vinh, trao tặng cho các tập thể, cá nhân có sản phẩm tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Quy chế xét tặng Giải thưởng được ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thi đua-Khen thưởng TW;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Nội vụ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ;
- Công đoàn NN & PTNTVN;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Lê Minh Hoan

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCCB ngày / /2024
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, điều kiện, quy trình xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tập thể, cá nhân có sản phẩm được đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Giải thưởng).

b) Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân thực hiện xét tặng Giải thưởng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc xét tặng Giải thưởng

1. Việc xét tặng Giải thưởng phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng đối tượng, điều kiện, quy trình xét tặng được quy định tại Quy chế này, đảm bảo chính xác, công khai, khách quan.

2. Giải thưởng ghi nhận và tôn vinh các tập thể, cá nhân có sản phẩm tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

3. Trong kỳ xét tặng Giải thưởng, mỗi sản phẩm xét tặng chỉ đứng tên cho 01 cơ quan, đơn vị hoặc 01 tác giả hoặc 01 nhóm tác giả trực tiếp nghiên cứu tạo ra sản phẩm.

4. Một sản phẩm chỉ được tham dự xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng một lần, những sản phẩm đã đạt Giải thưởng không được tham gia xét tặng Giải thưởng các lần tiếp theo.

5. Giải thưởng được tổ chức xét tặng 05 năm một lần;

6. Không xét tặng Giải thưởng đối với các trường hợp sau:

a) Tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo; có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

- b) Sản phẩm của các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật;
- c) Sản phẩm không được pháp luật cho phép sản xuất, kinh doanh hoặc không được khuyến khích sử dụng;
- d) Sản phẩm vi phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, trái đạo đức; không phù hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam;
- đ) Trường hợp sản phẩm tham dự xét tặng Giải thưởng liên quan đến bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 3. Nhóm sản phẩm xét tặng Giải thưởng

1. Nhóm các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ; các phát minh, sáng chế; kết quả nghiên cứu khoa học giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu..., góp phần phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng.

2. Nhóm các mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp tiêu biểu trong kỳ xét tặng giải thưởng như: mô hình nông nghiệp công nghệ cao, mô hình nông nghiệp thông minh, mô hình nông dân làm kinh tế giỏi, kết nối thị trường ... góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, hướng đến phát triển một nền nông nghiệp xanh, sạch, hiện đại.

3. Nhóm thương hiệu hàng hoá có uy tín: hàng hoá thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm nông sản (các sản phẩm OCOP quốc gia...); vật tư kỹ thuật nông nghiệp, máy móc thiết bị.

4. Những sản phẩm dự thi không thuộc các nhóm sản phẩm nêu trên, Vụ Tổ chức cán bộ sẽ tổng hợp báo cáo Hội đồng xét tặng Giải thưởng xem xét, quyết định.

Điều 4. Cơ cấu Giải thưởng

Số lượng, cơ cấu Giải thưởng cụ thể của từng nhóm sản phẩm do Ban tổ chức Giải thưởng quy định trong mỗi lần tổ chức xét tặng Giải thưởng. Một lần xét tặng Giải thưởng, Ban tổ chức sẽ lựa chọn trao giải tối đa cho 100 sản phẩm thuộc nhóm đối tượng được quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, QUY TRÌNH XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 5. Điều kiện xét tặng Giải thưởng

Giải thưởng trao tặng cho các tập thể, cá nhân (tác giả, đồng tác giả) trong, ngoài ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam và đáp ứng các điều kiện sau:

1. Thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nằm trong nhóm sản phẩm quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Sản phẩm tham gia xét tặng Giải thưởng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận:

a) Các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích: được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận bảo hộ sở hữu công nghiệp;

b) Kết quả công trình nghiên cứu khoa học: đã được Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp có thẩm quyền nghiệm thu và nhận xét, đánh giá tốt, được công bố hoặc ứng dụng trong thực tiễn ít nhất 03 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng và được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận;

c) Các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; giống vật nuôi và thủy sản; vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị, sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, được áp dụng, triển khai vào sản xuất trong thời gian ít nhất 03 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng và được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận;

d) Sản phẩm hàng hoá nông nghiệp chất lượng cao, có uy tín (sản phẩm OCOP quốc gia...) được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận;

đ) Các mô hình về tổ chức sản xuất, phát triển nông thôn đã được đánh giá, thực tế kiểm nghiệm có hiệu quả kinh tế, có ảnh hưởng tốt đối với ngành, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận.

3. Các sản phẩm được Hội đồng xét tặng chuyên ngành chấm điểm bình quân đạt tối thiểu từ 70 điểm trở lên (thang điểm tối đa là 100) mới đủ điều kiện trình Hội đồng xét tặng cấp Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định trao tặng Giải thưởng (tiêu chí cụ thể của từng nhóm sản phẩm được quy định tại Mẫu số 10, 11, 12 ban hành kèm theo Quy chế này).

4. Có đầy đủ tài liệu chứng minh những sản phẩm đó thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tập thể. Không có tranh chấp về quyền tác giả, không có khiếu kiện, khiếu nại về năng suất, chất lượng của sản phẩm; an toàn với môi trường và con người. Ngoài ra, đối với nhóm sản phẩm thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ không vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và công nghệ.

5. Đối với các cá nhân là doanh nhân, tập thể thuộc các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác ngoài những điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, còn thực hiện theo quy định tại Điều 66, Điều 67 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Quy trình xét tặng Giải thưởng

1. Quy trình xét tặng Giải thưởng được tổ chức qua hai cấp là cấp cơ sở và cấp Bộ.

a) Cấp cơ sở:

- Thành lập Hội đồng xét tặng cấp cơ sở do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định thành lập;

- Hội đồng cấp cơ sở có nhiệm vụ tổ chức xét, chọn, đề cử sản phẩm đủ điều kiện trình Bộ xét tặng Giải thưởng.

- Trường hợp cá nhân, tập thể (tác giả, đồng tác giả) không thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức nào thì hồ sơ không qua bước cơ sở, được đánh giá ở Hội đồng chuyên ngành và Hội đồng xét tặng cấp Bộ.

b) Cấp Bộ thực hiện xét chọn qua 2 vòng:

- Vòng 1 (vòng sơ khảo): Hội đồng xét tặng chuyên ngành do Bộ trưởng quyết định thành lập, có nhiệm vụ xét, chấm điểm, chọn các sản phẩm tiêu biểu, đủ điều kiện, đạt từ 70 điểm trở lên để đưa vào xét chọn vòng sau.

- Vòng 2 (vòng chung khảo): Hội đồng xét tặng cấp Bộ do Bộ trưởng quyết định thành lập, có nhiệm vụ xét, chọn các sản phẩm do Hội đồng xét tặng chuyên ngành đề cử để lựa chọn ra những sản phẩm đủ điều kiện trình Bộ trao tặng Giải thưởng.

2. Các sản phẩm được Hội đồng xét tặng cấp Bộ đề nghị trao tặng Giải thưởng sẽ được đăng tải lấy ý kiến rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Bộ và Báo Nông nghiệp Việt Nam, trong vòng 10 ngày trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành Quyết định tặng Giải thưởng.

Báo Nông nghiệp Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, viết bài, đưa tin, đăng tải thường xuyên trên trang mục riêng, tuyên truyền về Giải thưởng trong mỗi lần xét chọn Giải thưởng.

Điều 7. Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở

1. Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên, do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành lập; cơ cấu thành viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định cho phù hợp.

2. Hội đồng có nhiệm vụ họp, xét chọn các sản phẩm của tập thể, cá nhân thuộc đơn vị, tổ chức đạt đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này; Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Hội đồng họp khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng được triệu tập có mặt tham dự; các sản phẩm được xét chọn trình Bộ khi có ít nhất 80% số thành viên Hội đồng nhất trí (thành viên vắng lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 8. Hội đồng xét tặng Giải thưởng chuyên ngành

1. Số lượng, thành phần

a) Số lượng: Hội đồng xét tặng chuyên ngành có từ 9 -11 thành viên gồm Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, kinh nghiệm chuyên môn thuộc các lĩnh vực trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Thành phần: Căn cứ vào lĩnh vực, nhóm sản phẩm được đề cử tham gia xét chọn Giải thưởng tại mỗi lần tổ chức xét tặng, Bộ trưởng sẽ quyết định thành lập Hội đồng xét tặng chuyên ngành.

2. Nhiệm vụ

Hội đồng xét tặng chuyên ngành có nhiệm vụ họp, chấm điểm xét chọn các sản phẩm do cấp cơ sở trình (theo các tiêu chí được quy định tại các Mẫu số 10, 11, 12 ban hành kèm theo Quy chế này).

Sau khi kết thúc phiên họp, Hội đồng xét tặng chuyên ngành phải có Biên bản (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Quy chế này), Báo cáo kết quả và kèm theo bảng tổng hợp kết quả chấm điểm để trình Hội đồng xét tặng Bộ xét chọn tại vòng chung khảo.

3. Nguyên tắc hoạt động

Các thành viên Hội đồng xét tặng chuyên ngành làm việc theo nguyên tắc chấm điểm độc lập, thang chấm điểm tối thiểu là 1,0 điểm. Biên bản kiểm phiếu thực hiện theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Quy chế này.

Các phiên họp của Hội đồng xét tặng chuyên ngành được coi là hợp lệ khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt. Các sản phẩm trình Hội đồng cấp Bộ phải đạt 70 điểm trở lên (điểm chấm bình quân của các thành viên Hội đồng, trường hợp thành viên hội đồng vắng mặt lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 9. Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp Bộ

1. Thành phần

a) Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

c) Các Ủy viên Hội đồng, gồm: Chủ tịch và Thư ký các Hội đồng xét tặng chuyên ngành; đại diện một số cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan theo đối tượng sản phẩm và một số chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học thuộc các lĩnh vực xét tặng Giải thưởng.

d) Thư ký Hội đồng: Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.

2. Nhiệm vụ

Hội đồng xét tặng cấp Bộ có nhiệm vụ tổ chức họp xét chọn những sản phẩm do Hội đồng xét tặng chuyên ngành đề cử; tư vấn giúp Bộ trưởng quyết định tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho tập thể, cá nhân có sản phẩm đạt giải trong mỗi lần tổ chức.

Hội đồng xét tặng cấp Bộ lập Tờ trình, Biên bản họp Hội đồng (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quy chế này), bảng tổng hợp kết quả họp Hội đồng trình Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng Giải thưởng.

3. Nguyên tắc hoạt động

Các thành viên Hội đồng xét tặng cấp Bộ làm việc theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. Biên bản kiểm phiếu thực hiện theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Quy chế này.

Các phiên họp của Hội đồng xét tặng cấp Bộ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 3/4 các thành viên dự họp. Các sản phẩm được xét trình Bộ trưởng xem xét quyết định khi đạt 80% số thành viên Hội đồng nhất trí (thành viên vắng mặt lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 10. Hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 1 Điều 25 Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ về giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ, cụ thể:

1. Hồ sơ của tập thể, cá nhân gửi Hội đồng cấp cơ sở, gồm:
 - Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này);
 - Báo cáo thuyết minh, mô tả sản phẩm (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy chế này);
 - Tài liệu liên quan đến việc công bố hoặc bản chính/bản sao có chứng thực văn bản xác nhận kết quả ứng dụng/chứng nhận/xác nhận của sản phẩm;
 - Các tài liệu khác có liên quan đến sản phẩm (nếu có).
2. Hồ sơ của các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) trình Bộ, gồm có:
 - Tờ trình đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này);
 - Danh sách đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quy chế này);
 - Biên bản họp Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quy chế này);
 - Hồ sơ của tập thể, cá nhân tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ của cá nhân, tập thể (tác giả, đồng tác giả) không thuộc cơ quan, tổ chức nào thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ

a) Thời gian: Bộ thông báo kế hoạch xét tặng Giải thưởng vào năm trước liền kề năm tổ chức xét tặng Giải thưởng và ban hành kế hoạch tổ chức tặng Giải thưởng trong Quý I của năm tổ chức xét tặng Giải thưởng. Căn cứ kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng, Bộ tổ chức hướng dẫn và thông báo thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng ở mỗi lần xét tặng Giải thưởng.

b) Địa điểm nhận hồ sơ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ), số 02 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

c) Đối với những hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ thông báo tới cơ quan, đơn vị và không trả lại hồ sơ.

Chương III

TỔ CHỨC TRAO TẶNG GIẢI THƯỞNG, KINH PHÍ, QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 11. Kinh phí tổ chức Giải thưởng

1. Kinh phí tổ chức xét tặng Giải thưởng và mức tiền thưởng cho tập thể, cá nhân có sản phẩm đạt giải thưởng do cơ quan tổ chức Giải thưởng thực hiện.

2. Nguồn kinh phí để xét Giải thưởng và chi thưởng từ Quỹ Thi đua khen thưởng của Bộ và từ nguồn đóng góp tự nguyện hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Kinh phí được sử dụng chi cho các nội dung sau:

a) Xây dựng triển khai kế hoạch xét tặng Giải thưởng, họp báo công bố Giải thưởng;

b) Trả thù lao cho các thành viên Hội đồng xét tặng do Bộ thành lập;

c) Tổ chức phiên họp Hội đồng cấp Bộ xét tặng Giải thưởng;

d) Công bố danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng, kết quả của Hội đồng xét tặng Giải thưởng trên các phương tiện truyền thông;

đ) Họp báo công bố kết quả xét tặng Giải thưởng;

e) Tổ chức Lễ trao Giải thưởng;

g) Tiền thưởng kèm theo Giải thưởng;

h) Các hoạt động khác, mức chi cụ thể theo quy định hiện hành.

4. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật và sử dụng công khai cho việc tổ chức xét tặng Giải thưởng.

Điều 12. Tổ chức Lễ trao tặng Giải thưởng

1. Lễ trao tặng Giải thưởng được tổ chức vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Bộ Canh nông, nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ngày 14 tháng 11) của năm xét tặng Giải thưởng.

2. Lễ trao tặng Giải thưởng được tổ chức trang trọng, truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để tôn vinh các tập thể, cá nhân.

Điều 13. Quyền lợi của tập thể, cá nhân được tặng Giải thưởng

1. Được tặng Cúp Giải thưởng, Giấy chứng nhận Giải thưởng và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Được thưởng tiền hoặc hiện vật theo quy định hiện hành.

3. Được tuyên truyền, quảng bá hình ảnh sản phẩm đạt giải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Được khai thác, sử dụng Logo Giải thưởng kể từ khi được trao giải.

5. Được in ấn phẩm để quảng bá sản phẩm tại các thị trường trong nước và quốc tế.

Điều 14. Huỷ quyết định tặng Giải thưởng và thu hồi hiện vật

1. Tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ, khi phát hiện tập thể, cá nhân không trung thực trong việc lập hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng thì hủy bỏ quyết định tặng Giải thưởng, thu hồi toàn bộ hiện vật, tiền thưởng và không được hưởng các quyền lợi sau khi được tặng Giải thưởng, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

2. Việc thu hồi Giải thưởng được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Giao Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm báo cáo, thực hiện các thủ tục để thu hồi Giải thưởng.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Vụ Tổ chức cán bộ là Cơ quan thường trực tổ chức Giải thưởng, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc xét tặng và tổ chức Lễ trao tặng Giải thưởng, cụ thể:

a) Tham mưu kế hoạch tổ chức Giải thưởng theo quy định;

b) Chủ trì phối hợp với Văn phòng Bộ, Báo Nông nghiệp Việt Nam, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan khác tổ chức các hoạt động truyền thông trước, trong và sau khi tổ chức trao Giải thưởng;

c) Thực hiện công tác tiếp nhận, phân loại hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan thường trực Giải thưởng yêu cầu tổ chức, cá nhân, tập thể bổ sung, hoàn chỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ; phản hồi các thông tin của các tổ chức, cá nhân và nhóm tác giả liên quan đến việc gửi hồ sơ đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng; lưu trữ hồ sơ;

d) Tổng hợp hồ sơ theo từng nhóm sản phẩm xét tặng Giải thưởng và chuyển tới các thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng chậm nhất là 10 ngày làm việc trước buổi họp đầu tiên của Hội đồng;

đ) Tổ chức công bố trao Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan tới việc xét tặng Giải thưởng theo sự chỉ đạo, phân công của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để xem xét, giải quyết./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCCB ngày / / 2024 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 01	Bản đăng ký Đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam
Mẫu số 02	Báo cáo Thuyết minh sản phẩm xét tặng Giải thưởng
Mẫu số 03	Tờ trình đề nghị xét tặng Giải thưởng
Mẫu số 04	Danh sách đề nghị xét tặng Giải thưởng
Mẫu số 05	Biên bản họp Hội đồng cấp cơ sở
Mẫu số 06	Biên bản họp Hội đồng chuyên ngành (vòng sơ khảo)
Mẫu số 07	Biên bản họp Hội đồng cấp Bộ (vòng chung khảo)
Mẫu số 08	Biên bản kiểm phiếu phiên họp Hội đồng chuyên ngành
Mẫu số 09	Biên bản kiểm phiếu phiên họp Hội đồng cấp Bộ
Mẫu số 10	Phiếu đánh giá Sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng nhóm 1
Mẫu số 11	Phiếu đánh giá Sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng nhóm 2
Mẫu số 12	Phiếu đánh giá Sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng nhóm 3

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT TẶNG
GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I. THÔNG TIN TẬP THỂ/CÁ NHÂN (TÁC GIẢ/ĐỒNG TÁC GIẢ)

* Trường hợp 01 cá nhân (tác giả):

1. Họ và tên tác giả sản phẩm:.....Nam/Nữ..... quốc tịch:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Số CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
3. Nơi cư trú:.....
4. Điện thoại:..... E-mail:.....
5. Nơi công tác:.....

Trường hợp tập thể (đồng tác giả):

STT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Đơn vị công tác hoặc quản lý tác giả	Quốc tịch/Nơi cư trú	Số điện thoại/Email	Nội dung trực tiếp đóng góp vào sản phẩm	Chữ ký của các đồng tác giả

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM THAM GIA XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

1. Tên sản phẩm:.....
- Thuộc nhóm:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định về Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam, tôi/chúng tôi gửi hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng, hồ sơ bao gồm:

- Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng (bản chính) (.... trang);
- Báo cáo thuyết minh sản phẩm tham gia xét tặng Giải thưởng (..... trang);
- Tài liệu liên quan đến việc công bố (bản sao) hoặc văn bản xác nhận kết quả ứng dụng của sản phẩm (bản chính/bản sao có chứng thực) (... trang);
- Các tài liệu khác liên quan (nếu có).....; (... trang);

Tôi/chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin kê khai tại hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng.

TÁC GIẢ/ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TÁC GIẢ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THUYẾT MINH
SẢN PHẨM THAM DỰ XÉT TẶNG
GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM

1. Tên sản phẩm:.....

Thuộc nhóm:.....

2. Thuận lợi và khó khăn:

3. Nếu là công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ nêu tháng năm bắt đầu và tháng năm kết thúc, cơ quan quản lý.

4. Tóm tắt chung về sản phẩm

(Nếu là công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ: nêu mục đích nghiên cứu; đối tượng nghiên cứu; nội dung nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; những kết quả chính của nghiên cứu)

5. Kết quả đạt được của sản phẩm (báo cáo theo tiêu chí chấm điểm tại phiếu đánh giá của từng nhóm sản phẩm được ban hành kèm theo Quy chế này)

- Đóng góp cho sự phát triển chính sách, chiến lược và kinh tế xã hội của ngành, địa phương:.....

- Đóng góp cho ngân sách nhà nước nhà nước:.....

- Tạo việc làm cho lao động:.....

(Nếu là công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ: phát hiện khoa học mới, kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có uy tín. Đóng góp giải quyết được vấn đề cơ bản để cải tiến, đổi mới công nghệ và tạo sản phẩm mới; sản phẩm được chuyển giao hặc có khả năng chuyển giao; sản phẩm được ứng dụng phục vụ cho thực tiễn).

TÁC GIẢ/ĐẠI DIỆN
HỢP PHÁP CỦA TÁC GIẢ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03:

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-...

....., ngày.....tháng...năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng xét tặng Giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam,
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNN-TCCB, ngày .. tháng .. năm .. của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

Căn cứ Kế hoạch sốcủa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam, năm

Cơ quan, đơn vị..... đã nhận được Đơn đề nghị của cá nhân/tập thể về việc tham dự xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho sản phẩm.....

Ngày.....tháng....năm 20..., Cơ quan, đơn vị (*tên đơn vị*) đã tổ chức họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp cơ sở và thống nhất:

Đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho các sản phẩm sau: (có danh sách mẫu số 04 được ban hành kèm theo Quy chế này)

Kính đề nghị Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp Bộ xem xét, đánh giá và thực hiện các thủ tục theo quy định.

(Gửi kèm Biên bản họp Hội đồng (*tên đơn vị*), Quyết định thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng, hồ sơ của sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng)./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(*ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 04:

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM**

(Kèm theo tờ trình số:...../TTr-... ngày tháng...năm.....của đơn vị trình)

STT	Họ và tên cá nhân/tập thể	Cơ quan công tác	Tên sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng	Thuộc nhóm sản phẩm
	Ví dụ			
1	Ông Nguyễn Văn A	Cơ quan B	Giống lúa....	Nhóm sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ
2				

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Không viết tắt chức vụ, chức danh;
- Đối với nhóm tác giả: ghi rõ danh sách từng thành viên tham gia làm ra sản phẩm.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG CẤP CƠ SỞ
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG CẤP CƠ SỞ
Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

1. Quyết định thành lập Hội đồng (số, ngày, tháng, năm):.....
2. Ngày họp.....
3. Địa điểm:.....
4. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên của Hội đồng:../....., gồm:
.....(ghi rõ họ và tên, chức danh/chức vụ,
cơ quan công tác)
- Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:
.....
5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (nếu có)
- Họ và tên :..... đơn vị công tác:.....
6. Ý kiến nhận xét, đánh giá của Hội đồng:

STT	Tên sản phẩm	Nhóm sản phẩm	Kết quả đánh giá của Hội đồng		Kiến nghị của Hội đồng
			Tổng điểm	Điểm trung bình	
1					
2					

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mỗi một thành viên Hội đồng đánh giá công trình theo thang điểm 100 (điểm tối thiểu là 1,0 điểm)
- Kết quả đánh giá công trình là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng (điểm trung bình lấy 2 số sau dấu phẩy).
- Khung điểm xét giải: Sản phẩm đạt từ 70 điểm trở lên được đề nghị xét tặng Giải thưởng.

Mẫu số 06

HỘI ĐỒNG CHUYÊN NGÀNH
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG CHUYÊN NGÀNH
Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

1. Quyết định thành lập Hội đồng (số, ngày, tháng, năm):.....
2. Ngày họp.....
3. Địa điểm:.....
4. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên của Hội đồng:....../....., gồm:
.....(ghi rõ họ và tên, chức danh/chức vụ,
cơ quan công tác)

Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

.....

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (nếu có)

- Họ và tên :..... đơn vị công tác:.....

6. Ý kiến nhận xét, đánh giá của Hội đồng:

STT	Tên sản phẩm	Nhóm sản phẩm	Kết quả đánh giá của Hội đồng		Kết luận của Hội đồng
			Tổng điểm	Điểm trung bình	
1					
2					

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(ký tên, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Cơ quan thường trực tổ chức Giải thưởng)

Ghi chú:

- Mỗi một thành viên Hội đồng đánh giá công trình theo thang điểm 100 (điểm tối thiểu là 1,0 điểm)
- Kết quả đánh giá công trình là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng (điểm trung bình lấy 2 số sau dấu phẩy).
- Khung điểm xét giải: Sản phẩm đạt từ 70 điểm trở lên được đề nghị xét tặng Giải thưởng.

Mẫu số 07

HỘI ĐỒNG CẤP BỘ
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG CẤP BỘ
Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

1. Quyết định thành lập Hội đồng (số, ngày, tháng, năm):.....
2. Ngày họp.....
3. Địa điểm:.....
4. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên của Hội đồng:../....., gồm:
.....(ghi rõ họ và tên, chức danh/chức vụ,
cơ quan công tác)
Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:
.....
5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (nếu có)
- Họ và tên :..... đơn vị công tác:.....
6. Ý kiến nhận xét, đánh giá của Hội đồng:

STT	Tên sản phẩm	Nhóm sản phẩm	Cá nhân/tập thể	Ý kiến nhận xét của Hội đồng	Kết luận của Hội đồng
1					
2					

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(kí, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(kí tên, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Cơ quan thường trực tổ chức Giải thưởng)

Ghi chú:

Sản phẩm đạt Giải thưởng có số phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng đạt từ 80% trở lên

Mẫu số 08
HỘI ĐỒNG CHUYÊN NGÀNH
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG CHUYÊN NGÀNH
Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

Hội đồng chuyên ngành xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam
Hôm nay, vào thời gian:.....
Tại:.....
Chúng tôi gồm:

.....
.....

Tiến hành kiểm phiếu phiên họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng, như sau:

1. Số phiếu phát ra:
2. Số phiếu thu về:
3. Số phiếu hợp lệ:
4. Số phiếu không hợp lệ:

Kết quả như sau:

STT	Tên sản phẩm	Cá nhân/ tập thể	Điểm đánh giá			Tổng điểm	Điểm Trung bình
			Họ tên thành viên 1	Họ tên thành viên 2	Họ tên thành viên ...		
1							
2							
3							
...							

CÁC THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(ký tên, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 09

HỘI ĐỒNG CẤP BỘ
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU PHIÊN HỢP HỘI ĐỒNG CẤP BỘ
Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

Hội đồng cấp Bộ xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

Hôm nay, vào thời gian:.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

.....

Tiến hành kiểm phiếu phiên họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng, như sau:

1. Số phiếu phát ra:

2. Số phiếu thu về:

3. Số phiếu hợp lệ:

4. Số phiếu không hợp lệ:

Kết quả như sau:

STT	Tên sản phẩm	Cá nhân/ tập thể	Số phiếu nhất trí (tỷ lệ%)	Số phiếu không nhất trí (tỷ lệ %)	Kết luận (đạt/không đạt)
1					

CÁC THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Sản phẩm đạt Giải thưởng có số phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng đạt từ 80% trở lên.

Mẫu số 10

HỘI ĐỒNG CHUYÊN NGÀNH
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....
2. Quyết định thành lập Hội đồng (số, ngày, tháng, năm):.....
3. Tên sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng:.....
- Nhóm sản phẩm thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ (Nhóm 1)
4. Cá nhân/tập thể:.....
5. Cơ quan quản lý sản phẩm:.....
6. Đánh giá của thành viên Hội đồng:.....
- 6.1. Chấm điểm:

STT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa	Điểm chấm
1	Về giá trị khoa học và công nghệ	50	
	<i>Đối với công trình nghiên cứu khoa học:</i> Bổ sung được tri thức mới hoặc có những phát hiện khoa học mới có tác động thay đổi trong sản xuất và đời sống xã hội thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
	<i>Đối với công trình nghiên cứu và phát triển công nghệ:</i> Giải quyết được các vấn đề công nghệ, tạo ra được công nghệ mới, cao hơn công nghệ tương tự khác đang ứng dụng trong thực tiễn		
	<i>Đối với công trình ứng dụng công nghệ:</i> Góp phần tạo ra được phương án tổng thể với các giải pháp kỹ thuật kèm theo hoặc tạo ra những cải tiến kỹ thuật, công nghệ để ứng dụng thành công và sáng tạo công nghệ tiên tiến trong các công trình lớn của Bộ, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc có tác động đến hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của công trình đó.		
2	Về giá trị thực tiễn	50	
	<i>Đối với công trình nghiên cứu khoa học:</i> Có tác động đến nhận thức và đời sống xã hội hoặc góp phần xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở khoa học và thực tiễn của công trình		

	<i>Đối với công trình nghiên cứu và phát triển công nghệ: Góp phần đổi mới công nghệ hoặc tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế lớn, có khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế</i>		
	<i>Đối với công trình ứng dụng công nghệ: Mang lại hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập quốc tế; bảo vệ môi trường.</i>		
	Tổng số điểm	100	

6.2. Đề nghị:

- Tặng Giải thưởng:.....
- Không tặng Giải thưởng:

7. Ý kiến khác:**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG***(ký và ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**

- Mỗi một thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm theo thang điểm 100 (điểm tối thiểu là 1,0 điểm)
- Khung điểm xét giải: Sản phẩm đạt từ 70 điểm trở lên được đề nghị xét tặng Giải thưởng.

Mẫu số 11

**HỘI ĐỒNG CHUYÊN NGÀNH
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....
2. Quyết định thành lập Hội đồng (số, ngày, tháng, năm):.....
3. Tên sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng:.....
- Nhóm sản phẩm là các Mô hình tổ chức sản xuất tiêu biểu (Nhóm 2)
4. Cá nhân/tập thể:.....
5. Cơ quan quản lý sản phẩm:.....
6. Đánh giá của thành viên Hội đồng:.....
- 6.1. Chấm điểm:

STT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa	Điểm chấm
1	Mô hình được áp dụng đưa vào sản xuất, kinh doanh, có hiệu quả, doanh thu hàng năm tăng	20	
2	Mô hình độc đáo, có tính mới so với sản phẩm trước đó, chất lượng cao được người tiêu dùng tín nhiệm; mô hình có khả năng nhân rộng áp dụng rộng rãi	20	
3	Đóng góp nộp ngân sách nhà nước tăng hàng năm.	20	
4	Thu hút, thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm cho người lao động.	20	
5	Áp dụng công nghệ tiên tiến; chuyển đổi số, công nghệ số, bảo vệ môi trường sinh thái	20	
	Tổng số điểm	100	

6.2. Đề nghị:

- Tặng Giải thưởng:.....
- Không tặng Giải thưởng:

7. Ý kiến khác:.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mỗi một thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm theo thang điểm 100 (điểm tối thiểu là 1,0 điểm)
- Khung điểm xét giải: Sản phẩm đạt từ 70 điểm trở lên được đề nghị xét tặng Giải thưởng.

Mẫu số 12

**HỘI ĐỒNG CHUYÊN NGÀNH
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BLVVN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....
2. Quyết định thành lập Hội đồng (số, ngày, tháng, năm):.....
3. Tên sản phẩm đề nghị xét tặng Giải thưởng:.....
Nhóm sản phẩm là Hàng hóa chất lượng cao, sản phẩm OCOP (Nhóm 3)
4. Cá nhân/tập thể:.....
5. Cơ quan quản lý sản phẩm:.....
6. Đánh giá của thành viên Hội đồng:.....
- 6.1. Chấm điểm:

STT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa	Điểm chấm
1	Hàng hóa được sản xuất trong nước, đạt chất lượng cao, đáp ứng các quy định tại tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, có sản lượng ổn định; bảo đảm các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.	20	
2	Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh; an toàn thực phẩm	20	
3	Hoạt động của tổ chức, cá nhân đạt hiệu quả kinh tế, đóng góp nhiều cho xã hội, khuyến khích đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu.	20	
4	Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ.	20	
5	Áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.	20	
	Tổng số điểm	100	

6.2. Đề nghị:

- Tặng Giải thưởng:.....
- Không tặng Giải thưởng:
- 7. Ý kiến khác.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(ký ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Mỗi một thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm theo thang điểm 100 (điểm tối thiểu là 1,0 điểm)
- Khung điểm xét giải: Sản phẩm đạt từ 70 điểm trở lên được đề nghị xét tặng Giải thưởng.